

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN CÓ HIỆU LỰC CỦA SỰ ĐỒNG Ý TRONG XỬ LÝ DỮ LIỆU CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM

NGUYỄN HOÀNG CHƯƠNG
Học viện Hàng không Việt Nam

Nhận bài ngày 13/8/2026. Sửa chữa xong 23/8/2026. Duyệt đăng 06/9/2026.

Abstract

Data subject consent is an important legal basis for lawful personal data processing and a safeguard of individuals' autonomy over their personal data. The 2025 Law on Personal Data Protection sets out the requirements for valid consent. However, some criteria remain broadly defined, particularly those concerning the assessment of voluntariness, the information that must be provided to data subjects, and the mechanisms for ensuring meaningful consent. This article analyses the current legal framework, identifies its limitations, and proposes improvements to enhance the quality of consent in personal data processing in Vietnam.

Keywords: Consent, personal data, personal data protection, voluntariness.

1. Đặt vấn đề

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 đã thiết lập tương đối rõ các yêu cầu đối với sự đồng ý của chủ thể dữ liệu. Đặc biệt, Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 quy định sự đồng ý chỉ có hiệu lực khi dựa trên sự tự nguyện và chủ thể dữ liệu biết rõ loại dữ liệu được xử lý, mục đích xử lý, chủ thể kiểm soát dữ liệu cũng như các quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, việc xác định thế nào là “tự nguyện”, mức độ nào được xem là “biết rõ”, cách thức cung cấp thông tin ra sao để chủ thể dữ liệu thực sự hiểu và lựa chọn vẫn còn những vấn đề cần tiếp tục làm rõ. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích pháp luật về điều kiện có hiệu lực của sự đồng ý trong xử lý dữ liệu cá nhân, nhận diện những hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quy định pháp luật về điều kiện có hiệu lực của sự đồng ý trong xử lý dữ liệu cá nhân

2.1.1. Khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 quy định sự đồng ý chỉ có hiệu lực khi dựa trên sự tự nguyện và chủ thể dữ liệu biết rõ ba nhóm thông tin khác trong cùng quy định. Quy định này cho thấy pháp luật không xem mọi biểu hiện chấp thuận của cá nhân đều mặc nhiên có giá trị pháp lý, mà đặt giá trị của sự đồng ý trong mối quan hệ với ý chí tự do và mức độ nhận thức của người đưa ra sự đồng ý.

Việc sử dụng cụm từ “chỉ có hiệu lực khi” cho thấy “tự nguyện” và “biết rõ” không đơn thuần là những yêu cầu mang tính khuyến nghị mà là điều kiện pháp lý đáp ứng hiệu lực của sự đồng ý. Hai yếu tố này có quan hệ bổ sung và phải được xem xét đồng thời. Một cá nhân có thể được cung cấp đầy đủ thông tin nhưng sự đồng ý vẫn khó phản ánh ý chí thực sự nếu họ bị ép buộc hoặc không có khả năng lựa chọn. Ngược lại, dù không chịu bất kỳ sự ép buộc nào, quyết định đồng ý cũng khó được xem là có đầy đủ giá trị nếu cá nhân không biết mình đang cho phép xử lý loại dữ liệu nào, nhằm mục đích gì và bởi chủ thể nào.

Yêu cầu “tự nguyện” trước hết khẳng định quyền tự quyết của chủ thể dữ liệu. Sự đồng ý phải xuất phát từ lựa chọn của chính chủ thể, thay vì là kết quả của sự cưỡng ép hoặc việc buộc cá nhân phải chấp nhận những hoạt động xử lý không cần thiết. Cách tiếp cận này được củng cố bởi khoản 4 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 khi quy định sự đồng ý phải được thể hiện đối với từng mục đích,

Email: chuongnh@vaa.edu.vn

không được kèm theo điều kiện bắt buộc phải đồng ý với các mục đích khác với nội dung thỏa thuận và sự im lặng hoặc không phản hồi không được coi là đồng ý. Như vậy, tính tự nguyện không nên được hiểu đơn giản là “có bấm đồng ý hay không”, mà phải được xem xét trong toàn bộ hoàn cảnh mà lựa chọn đó được đưa ra.

2.1.2. Cùng với tính tự nguyện, khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 đặt ra yêu cầu chủ thể dữ liệu phải biết rõ những thông tin nhất định. Đây là điều kiện bảo đảm sự đồng ý được hình thành trên cơ sở nhận thức. Xét về phương diện pháp lý, “biết rõ” không nên được đồng nhất với việc thông tin chỉ được cung cấp về mặt hình thức. Mục đích của yêu cầu này là giúp chủ thể dữ liệu nhận thức được những yếu tố cơ bản của hoạt động xử lý trước khi quyết định có cho phép hay không.

Một là, chủ thể dữ liệu phải biết loại dữ liệu cá nhân được xử lý và mục đích xử lý dữ liệu cá nhân (điểm a khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025). Theo đó, hai yếu tố này trả lời hai câu hỏi nền tảng, dữ liệu nào của mình sẽ được xử lý và dữ liệu đó được xử lý để làm gì? Việc đặt hai nội dung này trong cùng một điểm có ý nghĩa hợp lý bởi phạm vi dữ liệu chỉ có thể được đánh giá đầy đủ khi gắn với mục đích xử lý cụ thể. Một loại dữ liệu có thể cần thiết cho mục đích này nhưng lại không cần thiết cho mục đích khác. Do đó, sự đồng ý không nên được hiểu là sự cho phép chung đối với toàn bộ dữ liệu mà phải gắn với mối quan hệ giữa loại dữ liệu, mục đích xử lý.

Hai là, chủ thể dữ liệu phải biết bên kiểm soát dữ liệu cá nhân hoặc bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân (điểm b khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025). Có thể thấy, “dữ liệu là yếu tố đóng vai trò then chốt cho sự tiến bộ của thời đại ngày nay. Điều đó dựa trên sự phát triển của các công nghệ lưu trữ và các loại cảm biến mà nó cho phép thu thập một khối lượng dữ liệu lớn từ đời sống xã hội” (Vũ Công Giao, Lê Trần Như Tuyên, 2020), theo đó nếu chỉ biết dữ liệu được sử dụng vào mục đích gì nhưng không biết tổ chức hoặc cá nhân nào quyết định việc xử lý thì khả năng kiểm soát và thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu sẽ bị hạn chế. Việc xác định rõ bên kiểm soát vì vậy không chỉ mang ý nghĩa thông tin mà còn gắn với trách nhiệm giải trình, chủ thể dữ liệu cần biết ai là người mà mình trao quyền xử lý dữ liệu và ai là đầu mối chịu trách nhiệm đối với hoạt động đó.

Ba là, chủ thể dữ liệu phải biết các quyền và nghĩa vụ của mình. Đây là nội dung có ý nghĩa vượt ra ngoài thời điểm đưa ra sự đồng ý (điểm c khoản 2 Điều 9 (Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025)). Sự đồng ý không làm mất đi các quyền của chủ thể đối với dữ liệu mà ngược lại, chủ thể cần nhận thức được mình có thể thực hiện những quyền gì trong quá trình dữ liệu được xử lý. Vì thế, việc biết các quyền và nghĩa vụ ngay từ thời điểm đồng ý tạo điều kiện để chủ thể không chỉ đưa ra quyết định ban đầu mà còn có khả năng duy trì sự kiểm soát đối với dữ liệu trong quá trình xử lý.

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 cũng cần được vận dụng trong mối quan hệ với khoản 3 và khoản 4 của cùng điều luật. Nếu khoản 2 tập trung vào chất lượng của ý chí và nhận thức, thì khoản 3 quy định về hình thức biểu hiện của sự đồng ý, yêu cầu phương thức thể hiện phải rõ ràng, cụ thể và có khả năng kiểm chứng, khoản 4 tiếp tục đặt ra các nguyên tắc đối với phạm vi và cách thức đồng ý. Ba nhóm quy định này tạo thành một chỉnh thể, cụ thể là sự đồng ý có hiệu lực không chỉ đòi hỏi chủ thể muốn đồng ý, mà còn phải biết mình đồng ý với điều gì và thể hiện lựa chọn đó theo cách có thể xác định, kiểm chứng. Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật bảo vệ dữ liệu cá nhân (Nghị định số 356/2025/NĐ-CP) tiếp tục quy định chi tiết việc thể hiện sự đồng ý theo khoản 3 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025, trong khi các điều kiện “tự nguyện” và “biết rõ” tại khoản 2 về cơ bản vẫn được điều chỉnh trực tiếp bởi Luật.

2.2. Quy định pháp luật về điều kiện có hiệu lực của sự đồng ý trong xử lý dữ liệu cá nhân

2.2.1. Tiêu chí xác định sự “tự nguyện” còn mang tính khái quát, chưa tạo được một chuẩn đánh giá đủ rõ cho những trường hợp chủ thể dữ liệu có sự lựa chọn về hình thức nhưng không có lựa chọn thực chất. Tại khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 chỉ xác định sự đồng ý phải dựa trên sự tự nguyện, khoản 4 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 tiếp tục cấm việc buộc đồng ý với các mục

đích khác với nội dung thỏa thuận. Nghị định số 356/2025/NĐ-CP tiến thêm một bước khi cấm thiết lập mặc định đồng ý và các chỉ dẫn gây hiểu lầm. Các quy định này tạo nền tảng cần thiết, nhưng chưa đưa ra những tiêu chí cụ thể để đánh giá trường hợp sự đồng ý được đưa ra trong điều kiện có sự phụ thuộc, chênh lệch đáng kể về vị thế hoặc khi việc từ chối đồng ý dẫn đến bất lợi cho chủ thể dữ liệu.

Vấn đề này thể hiện rõ trong các mô hình cung cấp dịch vụ số theo cách “đồng ý hoặc không được tiếp tục sử dụng dịch vụ”. Cuối năm 2025, khi xem xét việc cập nhật thỏa thuận sử dụng Zalo, Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia đã yêu cầu doanh nghiệp không đặt người tiêu dùng vào tình thế phải đồng ý cho thu thập, lưu trữ, sử dụng thông tin như một điều kiện để tiếp tục sử dụng dịch vụ; đồng thời yêu cầu sự đồng ý phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, có lựa chọn thực chất và không mang tính hình thức (Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, 2025). Tháng 01/2026, VNG tiếp tục bị xử phạt do không thiết lập đầy đủ phương thức để người tiêu dùng lựa chọn phạm vi thông tin đồng ý cung cấp và lựa chọn việc cho phép sử dụng thông tin cho mục đích quảng cáo (Ủy ban cạnh tranh Quốc gia, 2026). Mặc dù vụ việc được xử lý trực tiếp dưới góc độ pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, nó cho thấy ranh giới giữa đồng ý tự nguyện và đồng ý do bị đặt trước một lựa chọn bất cân xứng là vấn đề thực tiễn, không chỉ mang tính lý luận.

2.2.2. Phạm vi thông tin mà chủ thể dữ liệu phải “biết rõ” trước khi đồng ý vẫn còn tương đối hạn chế. Tại khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 tập trung vào ba nhóm thông tin: (i) loại dữ liệu và mục đích xử lý; (ii) bên kiểm soát hoặc bên kiểm soát và xử lý dữ liệu; (iii) các quyền, nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu. Đây là những thông tin nền tảng, nhưng chưa phản ánh đầy đủ những yếu tố có thể ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định của chủ thể dữ liệu, chẳng hạn nguồn thu thập, nhóm bên được chia sẻ dữ liệu, thời gian lưu trữ hoặc cơ chế cụ thể để rút lại sự đồng ý.

Điều đáng chú ý là chính Nghị định số 356/2025/NĐ-CP đã nhận diện nhu cầu cung cấp các thông tin này đối với một số lĩnh vực. Theo khoản 2 Điều 8 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP, trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và thông tin tín dụng, khi xin sự đồng ý phải nêu rõ thêm nguồn thu thập dữ liệu và các bên liên quan đến việc thu thập, chia sẻ; thời gian lưu trữ; cơ chế, cách thức rút lại sự đồng ý và chính sách xóa, hủy dữ liệu. Quy định này là hợp lý, nhưng đồng thời đặt ra câu hỏi, nếu những thông tin trên có ý nghĩa đối với khả năng đưa ra quyết định có hiểu biết của chủ thể dữ liệu trong lĩnh vực tài chính, thì vì sao những yếu tố cơ bản như thời hạn lưu trữ hoặc cách thức rút lại sự đồng ý lại không được xem xét như một thành phần chung của yêu cầu “biết rõ”?

Vấn đề ở đây không nhất thiết là phải đưa toàn bộ nội dung của một thông báo bảo vệ dữ liệu vào điều kiện có hiệu lực của sự đồng ý. Tuy nhiên, pháp luật cần xác định rõ hơn ngưỡng thông tin tối thiểu đủ để chủ thể có thể đánh giá hệ quả của quyết định đồng ý.

2.2.3. Pháp luật chưa xây dựng đầy đủ tiêu chuẩn về cách thức cung cấp thông tin để bảo đảm yêu cầu “biết rõ” được thực hiện về mặt thực chất. Điều 6 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP đã có bước tiến đáng ghi nhận khi cấm phương thức mặc định đồng ý và cấm tạo ra chỉ dẫn không rõ ràng, gây hiểu lầm giữa đồng ý và không đồng ý. Tuy nhiên, quy định này chủ yếu kiểm soát cách thức biểu đạt lựa chọn, trong khi khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 chưa đặt ra một chuẩn chung về chất lượng của thông tin được cung cấp, chẳng hạn yêu cầu thông tin phải rõ ràng, dễ hiểu, dễ tiếp cận và phù hợp với đối tượng tiếp nhận.

Như vậy, khoảng trống này có ý nghĩa đáng kể trong môi trường số. Về hình thức, doanh nghiệp có thể cung cấp đầy đủ các nội dung mà luật yêu cầu, nhưng nếu những nội dung đó nằm trong một chính sách dài, sử dụng nhiều thuật ngữ kỹ thuật hoặc được trình bày theo cách khiến người dùng khó nhận biết thì khả năng hình thành một quyết định có hiểu biết vẫn bị hạn chế. Một số nghiên cứu cho thấy chính sách bảo mật của nhiều nền tảng thương mại điện tử vẫn nặng tính kỹ thuật và khó hiểu, khiến yêu cầu “thông tin đầy đủ” và “đồng ý thực chất” khó được bảo đảm; nghiên cứu cũng ghi nhận hiện tượng nhiều mục đích xử lý được gộp vào cùng một điều khoản và thể hiện qua một nút chấp nhận duy nhất (Phan Thị Thanh Thủy, 2026).

Do đó, vấn đề không chỉ nằm ở có cung cấp thông tin hay không, mà còn ở thông tin có được cung

cấp theo cách mà một chủ thể dữ liệu bình thường có thể nhận biết và hiểu trước khi đưa ra lựa chọn hay không. Nếu không làm rõ tiêu chuẩn này, “biết rõ” có nguy cơ được đánh giá chủ yếu dựa trên việc bên kiểm soát đã công bố thông tin, thay vì khả năng chủ thể dữ liệu thực sự nhận thức được nội dung của hoạt động xử lý.

2.3. Giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về điều kiện có hiệu lực của sự đồng ý trong xử lý dữ liệu cá nhân

2.3.1. Cần cụ thể hóa tiêu chí xác định sự tự nguyện của sự đồng ý. Khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 đã xác định “tự nguyện” là điều kiện có hiệu lực nhưng chưa đưa ra tiêu chí đủ cụ thể để đánh giá trong những trường hợp chủ thể có biểu hiện đồng ý nhưng khả năng lựa chọn thực tế bị hạn chế. Vì vậy, pháp luật cần làm rõ rằng sự đồng ý chỉ được xem là tự nguyện khi chủ thể dữ liệu có lựa chọn thực chất, không bị ép buộc hoặc buộc phải đồng ý với hoạt động xử lý không cần thiết như một điều kiện để được cung cấp sản phẩm, dịch vụ hoặc thực hiện hợp đồng.

Cách tiếp cận này đặc biệt cần thiết trong môi trường số, nơi lựa chọn “đồng ý” có thể được thiết kế như con đường duy nhất để người dùng tiếp tục sử dụng dịch vụ. Việc bổ sung tiêu chí không nhằm phủ nhận quyền của doanh nghiệp trong việc yêu cầu xử lý dữ liệu cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ mà nhằm phân biệt giữa dữ liệu thực sự cần thiết và dữ liệu được thu thập cho những mục đích bổ sung.

2.3.2. Sửa đổi khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 theo hướng: “2. Sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân chỉ có hiệu lực khi dựa trên sự tự nguyện và biết rõ các thông tin sau đây: a) Loại dữ liệu cá nhân được xử lý, mục đích xử lý dữ liệu cá nhân; b) Bên kiểm soát dữ liệu cá nhân hoặc bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân; c) Các quyền, nghĩa vụ của chủ thể dữ liệu cá nhân; d) Thời hạn lưu trữ dữ liệu cá nhân hoặc tiêu chí xác định thời hạn lưu trữ; đ) Nhóm bên thứ ba dự kiến tiếp nhận dữ liệu cá nhân, nếu có; e) Phương thức rút lại sự đồng ý.”

Đề xuất sửa đổi khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 theo hướng bổ sung ba nhóm thông tin mới nhằm làm rõ hơn yêu cầu “biết rõ” của chủ thể dữ liệu trước khi đưa ra sự đồng ý. Theo đó, bên cạnh việc biết loại dữ liệu được xử lý, mục đích xử lý, chủ thể kiểm soát dữ liệu và các quyền, nghĩa vụ của mình, chủ thể dữ liệu còn cần được biết thời hạn lưu trữ hoặc tiêu chí xác định thời hạn lưu trữ, nhóm bên thứ ba dự kiến tiếp nhận dữ liệu và phương thức rút lại sự đồng ý.

Việc bổ sung thời hạn lưu trữ hoặc tiêu chí xác định thời hạn lưu trữ giúp chủ thể dữ liệu có cơ sở dự liệu khoảng thời gian dữ liệu của mình tiếp tục được nắm giữ và sử dụng. Trong trường hợp không thể xác định trước một thời hạn cụ thể, việc công khai tiêu chí xác định thời hạn là giải pháp linh hoạt hơn, đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu minh bạch.

Đối với thông tin về nhóm bên thứ ba dự kiến tiếp nhận dữ liệu, nội dung này giúp chủ thể dữ liệu nhận biết phạm vi lưu chuyển của dữ liệu sau khi được thu thập. Việc chỉ yêu cầu xác định theo “nhóm bên thứ ba” thay vì liệt kê từng chủ thể cụ thể vừa bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn, vừa giúp người đồng ý có thêm cơ sở đánh giá mức độ rủi ro liên quan đến việc chia sẻ hoặc chuyển giao dữ liệu.

Bên cạnh đó, việc bổ sung phương thức rút lại sự đồng ý nhằm bảo đảm quyền rút lại không chỉ tồn tại về mặt pháp lý mà có thể được thực hiện trên thực tế. Chủ thể dữ liệu cần biết mình có thể rút lại sự đồng ý bằng cách nào, thông qua phương tiện nào và liên hệ với ai khi có nhu cầu thực hiện quyền này.

Như vậy, đề xuất trên không chỉ mở rộng phạm vi thông tin phải cung cấp mà còn hướng đến nâng cao chất lượng của sự đồng ý. Khi chủ thể dữ liệu có thể biết rõ dữ liệu được lưu giữ trong bao lâu, có thể được chuyển đến nhóm chủ thể nào và bằng cách nào có thể rút lại sự đồng ý, quyết định đồng ý sẽ có cơ sở đầy đủ hơn và phản ánh rõ hơn quyền tự quyết đối với dữ liệu cá nhân.

2.3.3. Bổ sung thêm quy định vào Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 theo hướng “Thông tin quy định tại khoản 2 Điều này phải được cung cấp cho chủ thể dữ liệu cá nhân trước khi lấy sự đồng ý, bằng cách thức rõ ràng, dễ hiểu, dễ tiếp cận và phù hợp với phương thức tương tác với chủ thể dữ liệu cá nhân.”, việc chủ thể dữ liệu “biết rõ” không thể chỉ được xác định dựa trên việc bên kiểm soát đã đăng tải hoặc

cung cấp thông tin về mặt hình thức. Để sự đồng ý thực sự có hiệu biết, thông tin phải được trình bày theo cách mà chủ thể dữ liệu có khả năng nhận biết và hiểu trước khi đưa ra quyết định. Do đó, pháp luật nên yêu cầu thông tin liên quan đến sự đồng ý phải được cung cấp trước khi lấy sự đồng ý, rõ ràng, dễ hiểu, dễ tiếp cận và bằng hình thức phù hợp với chủ thể dữ liệu. Quy định bổ sung có ý nghĩa phân biệt giữa cung cấp thông tin và minh bạch thông tin. Một chính sách dù chứa đầy đủ nội dung pháp luật yêu cầu nhưng được trình bày quá dài, phức tạp hoặc khó tiếp cận vẫn có thể làm suy giảm khả năng hình thành sự đồng ý có hiệu biết. Vì vậy, việc bổ sung tiêu chuẩn về hình thức cung cấp thông tin sẽ tạo cơ sở pháp lý để đánh giá chất lượng của quá trình lấy sự đồng ý, đồng thời hỗ trợ kiểm soát các phương thức thiết kế giao diện gây nhầm lẫn hoặc làm suy yếu khả năng lựa chọn của chủ thể dữ liệu.

3. Kết luận

Sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cá nhân giữ vai trò quan trọng trong việc bảo đảm quyền tự quyết và kiểm soát đối với dữ liệu của mỗi cá nhân. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 đã bước đầu thiết lập các điều kiện nhằm bảo đảm sự đồng ý có giá trị thực chất, trong đó nhấn mạnh yêu cầu về tính tự nguyện, mức độ nhận biết thông tin và khả năng thể hiện sự đồng ý một cách rõ ràng.

Tuy nhiên, trước sự phát triển nhanh của các hoạt động xử lý dữ liệu trong môi trường số, một số nội dung của pháp luật hiện hành vẫn cần tiếp tục được làm rõ và hoàn thiện. Việc cụ thể hóa tiêu chí xác định tính tự nguyện, mở rộng phạm vi thông tin mà chủ thể dữ liệu cần biết và nâng cao yêu cầu về cách thức cung cấp thông tin sẽ góp phần bảo đảm rằng sự đồng ý không chỉ tồn tại về hình thức mà thực sự phản ánh ý chí và nhận thức của chủ thể dữ liệu.

Tài liệu tham khảo

Phan Thị Thanh Thủy (2026). Hành vi theo dõi thông tin người tiêu dùng trong thương mại điện tử từ góc nhìn bảo vệ dữ liệu cá nhân theo pháp luật Việt Nam và Nhật Bản. *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội*, Vol. 42, No. 1, tr. 54–65.

Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia (2025). *Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia yêu cầu VNG rà soát việc cập nhật thỏa thuận sử dụng dịch vụ Zalo và bảo vệ thông tin người tiêu dùng trên nền tảng Zalo*. https://vcc.gov.vn/default.aspx?category_id=9343771e-96be-48b5-a35d-b8ea9b-c1aa93&do=detail&id=497f274c-0b7e-48d8-8e89-cf50443e0815&page=news, truy cập ngày 05/7/2026.

Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia (2026). *Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn VNG (Zalo)*. <https://vcc.gov.vn/default.aspx?do=detail&id=301efa2c-02d6-4df6-9b57-2291a6293060&page=news>, truy cập ngày 05/7/2026.

Vũ Công Giao, Lê Trần Như Tuyên (2020). Bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân trong pháp luật quốc tế, pháp luật ở một số quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp* số 09 (409), tháng 5.